

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hạ Long, ngày 28 tháng 4 năm 2021

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

STT	Tên tài liệu	Trang
1	Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	3 - 4
2	Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	5 - 10
3	Tờ trình: Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty.	11 - 12
4	Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020, nhiệm kỳ III năm 2016-2020...	13 - 21
5	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2020 và cả nhiệm kỳ khóa III năm 2016-2020.	22 - 25
6	Quy chế bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV năm 2021-2025.	26 - 34
7	Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào HĐQT, BKS khóa IV năm 2021-2025.	35 - 36
8	Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, nhiệm kỳ III năm 2016-2020; Kế hoạch SXKD năm 2021, nhiệm kỳ IV năm 2021-2025;	37 - 43
9	Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2020, đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021.	44 - 45
10	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020.	46 - 49
11	Tờ trình phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2020.	50
12	Báo cáo đánh giá kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2020.	51 - 53
13	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021.	54
14	Dự thảo nghị quyết Đại hội.	55 - 61
15	Trích ngang lý lịch	62 -74

Đức

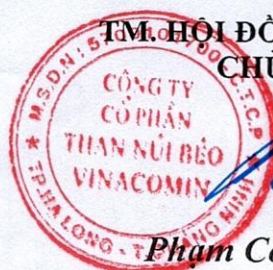
CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	07h30-08h00	Làm thủ tục đăng ký, phát thẻ biểu quyết, phát tài liệu cho cổ đông.	Cổ đông: Lưu Anh Đức
2	08h00-08h10	Ôn định tổ chức, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa lên điều hành Đại hội.	Phòng TCLĐ
3	08h10-08h15	Cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu.	Chủ tịch HĐQT
4	08h15-08h20	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	Ủy viên BKS: Nguyễn Tiến Nhung
5	08h20-08h45	(1) Trình bày Quy chế và Chương trình làm việc của Đại hội;	UV HĐQT: Lã Tuấn Quỳnh
		(2) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
6	08h45-09h05	(1) Trình bày Tờ trình: Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty; (2) Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020, nhiệm kỳ III ...	UV HĐQT: Trần Quốc Tuấn
		(3) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2020 và cả nhiệm kỳ khóa III...	Trưởng ban KS: Vũ Thị Dung
		(4) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
7	09h05-09h25	(1) Trình bày Quy chế bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV.	TB Kiểm phiếu Nguyễn Hòa Bình
		(2) Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào HĐQT, BKS khóa IV.	Phòng TCLĐ
		(3) Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử và chốt danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV.	Chủ tịch HĐQT
		(4) Đại hội tiến hành bầu cử	Các cổ đông

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8	09h25-09h30	Nghỉ giải lao.	
9	09h30-11h00	(1) Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, nhiệm kỳ III năm 2016-2020; Kế hoạch SXKD năm 2021, nhiệm kỳ IV năm 2021-2025; (2) Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2020, đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021.	Giám đốc Công ty Ngô Thế Phiệt
		(3) Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020; (4) Trình bày phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2020.	UV HĐQT: Trương Thúy Mai
		(5) Báo cáo đánh giá kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020; (6) Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021.	TB Kiểm soát: Vũ Thị Dung
		(7) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
10	11h00-11h15	(1) Thông báo kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV.	TB Kiểm phiếu: Nguyễn Hòa Bình
		(2) Đại hội nghị giải lao, HĐQT và BKS họp phiên đầu tiên khóa IV bầu Chủ tịch HĐQT, TB Kiểm soát; (3) HĐQT và BKS thông báo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, TB Kiểm soát và ra mắt Đại hội.	Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
11	11h15-11h25	(1) Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký: Huỳnh Hữu Nam
		(2) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
12	11h25-11h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



Phạm Công Hương

Số: **3024** /QC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/11/2019; Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức Hoạt động và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 20/04/2021, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 bao gồm các nội dung sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải thực hiện nghiêm các quy định phòng chống dịch bệnh, mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước..., Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước ..., Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách bầu cử và tiến hành kiểm phiếu.

4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu bầu cử, biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội


7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội để xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được



cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

9.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

9.3. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

9.4. Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 10. Biên bản Đại hội

10.1. Nội dung diễn biến Đại hội được thư ký lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

Số: 3025/TTr-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: **Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/11/2019; Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 26/4/2018;

Căn cứ điều kiện SXKD của Công ty, Hội đồng Quản trị trình Đại hội: Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty, cụ thể như sau:

I. Bổ sung ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành	Lý do bổ sung
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.	4663	Thực hiện Công văn số 5526/BTNMT - ĐCKS ngày 06/10/2020 của Bộ TNMT; Công văn số 7543/UBND - CN ngày 6/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh đối với việc khai thác, sử dụng đất, đá thải tại bãi thải của mỏ than Núi Béo...
2	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá: - Chi tiết: Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác.	3530	Công ty cung cấp khí nén, nước nóng, nước sản xuất cho các nhà thầu làm thuê cho Công ty tại Dự án hầm lò.
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730	Công ty cho các nhà thầu thuê máy móc, thiết bị... để làm thuê cho Công ty

Sau khi cập nhật mã ngành theo hướng dẫn của Phòng ĐKKD tỉnh Quảng Ninh (chuyển đổi từ 51 ngành sang 61 ngành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính Phủ) và bổ sung thêm 03 ngành, tổng số ngành kinh doanh của Công ty là 64.

II. Ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty.

Thực hiện theo Luật Doanh nghiệp; Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ.

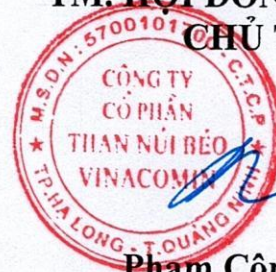
(Có nội dung kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

Số: **3026**/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, nhiệm kỳ năm 2021-2025

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông.

Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo đến nay Công ty đã trải qua 03 nhiệm kỳ kế hoạch 05 năm.

Với mục tiêu “Đổi mới sản xuất, an toàn, hiệu quả” vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên lần này, Hội đồng Quản trị kiểm điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016 – 2020 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2021, nhiệm kỳ năm 2021 -2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 - NHIỆM KỲ NĂM 2016 - 2020

Năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi tháng 1 lần, giải quyết tổng thể trên 300 đầu việc liên quan đến việc chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và tính đến hết năm 2020, HĐQT họp 102 phiên, có 03 lần thay đổi nhân sự HĐQT Công ty do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE) thay đổi người đại diện TKV tại Công ty như sau:

a) Từ ngày 28/04/2016 – 30/5/2016:

Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch	2	100	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên	2	100	
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên	2	100	
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên	2	100	
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	2	100	

b) Ngày 31/05/2016:

Nhân sự HĐQT có sự thay đổi theo Quyết định số 1023/QĐ-TKV ngày 23/5/2016 của TKV và Nghị quyết số 02/NQ-VNBC ngày 31/5/2016 của HĐQT Công ty: Ông Nguyễn Văn Trịnh thôi giữ chức CT HĐQT, thôi tham gia HĐQT; Ông Nguyễn Văn Dậu – người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch	1	100	
2	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch	1	100	
3	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên	1	100	
4	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên	1	100	
5	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên	1	100	
6	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	1	100	

c) Từ ngày 01/06/2016 đến 03/04/2017

Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi. HĐQT họp 16 phiên, Thường trực HĐQT họp 03 phiên.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch	19	100	03 phiên họp thường trực
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên	19	100	03 phiên họp thường trực
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên	19	100	03 phiên họp thường trực
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên	16	100	
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	16	100	

Đã

d) Từ ngày 03/4/2017 – 14/12/2017:

Nhân sự HĐQT có sự thay đổi: Ông Nguyễn Văn Dậu thôi giữ chức CT HĐQT, thôi tham gia HĐQT; Ông Phạm Công Hương – người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	18	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên	18	100	
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên	18	100	
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên	18	100	
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	18	100	

e) Từ ngày 14/12/2017 – 25/12/2017:

HĐQT Công ty còn 03 thành viên do ông Nguyễn Quang Quyền và ông Nguyễn Trọng Hiền (Đại diện cổ đông REE) có đơn gửi đến trụ sở chính của Công ty, xin thôi tham gia HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	2	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên	2	100	
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên	2	100	

f) Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 31/12/2020:

HĐQT Công ty bầu bổ sung ông Trần Quốc Tuấn và bà Trương Thúy Mai vào HĐQT thay thế ông Nguyễn Quang Quyền và ông Nguyễn Trọng Hiền.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	66	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên	66	100	
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên	66	100	
4	Trần Quốc Tuấn	Ủy viên	66	100	
5	Trương Thúy Mai	Ủy viên	66	100	

2. Về nội dung họp HĐQT

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2020, HĐQT giải quyết 63 đầu việc và cả nhiệm kỳ năm (2016-2021) HĐQT giải quyết 325 đầu việc chủ yếu trong 06 lĩnh vực quản lý, điều hành sau:

STT	Nội dung	Số đầu việc	Trong đó phân theo năm:				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Giám sát, quản lý điều hành SXKD...	57	6	11	12	14	14
2	Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò	64	19	8	14	11	12
3	Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ	90	21	25	18	15	11
4	Lao động tiền lương, chế độ chính sách...	40	9	7	7	11	6
5	Ban hành các quy chế quản lý nội bộ..	33	9	6	5	5	8
6	Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông...	41	6	11	6	6	12
	Cộng	325	70	68	62	62	63

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty hàng năm và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao

a) *Nhiệm vụ SXKD:*

Năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016 - 2020 là giai đoạn Công ty giảm nhiều sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai xây dựng dự án hầm lò mỏ than Núi Béo. Do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thời tiết mưa bão kéo dài, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, chưa được đầu tư mới để thay thế, nhà thầu thực hiện dự án hầm lò chưa có nhiều kinh nghiệm... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành cơ bản nhiệm vụ SXKD năm 2020, cả nhiệm kỳ năm 2016-2020 do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh

Đức

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	7.000	4.355	4.355	62	100
-	Đất sản xuất	"	7.000	4.355	4.355	62	100
2	Đào lò tổng số	Mét	11.280	10.495	10.354	92	99
-	Đào lò XDCB	"	1.380	1.475	1.486	108	101
-	Lò CBSX	"	9.900	9.020	8.868	90	98
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	2.000	1.400	1.432	72	102
-	Than lộ thiên	"	1.000	620	621	62	100
-	Than hầm lò	"	1.000	780	811	81	104
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	2.045	1.645	1.680	82	102
-	Than sạch từ than NK	"	1.760	1.262	1.288	73	102
-	Than sạch từ SPNT	"	285	383	392	138	102
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	2.045	1.680	1.682	82	100
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	775	628	56	81
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.342	2.213	2.206	94	100
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	27,0	27	46,6	173	172
9	Lao động định mức	Người	3.083	3.017	2.976	97	99
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	13.584	13.429	13.408	99	100
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	≥ 3,0	6	200	200

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ 2016 - 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2016-2020)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	35.810	28.730	29.600	83	103
-	Đất sản xuất	"	23.500	28.730	29.600	126	103
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	12.310	0	0	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	25.884	35.685	40.110	155	112
-	Đào lò XDCB	"	14.684	10.865	11.579	79	107

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2016-2020)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
-	Lò CBSX	"	11.200	24.820	28.531	255	115
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	4.545	5.450	5.484	121	101
-	Than lộ thiên	"	3.200	3.570	3.528	110	99
-	Than hầm lò	"	1.345	1.880	1.956	145	104
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	4.675	6.912	7.267	155	105
-	Than sạch từ than NK	"	3.475	4.629	4.490	129	97
-	Than sạch từ SPNT	"	1.200	2.283	2.777	231	122
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	5.275	7.301	7.540	143	103
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	4.420	5.069	4.577	104	90
7	Doanh thu	Tỷ đồng	6.514	9.222	9.563	147	104
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	179	139	375	210	270
9	Lao động	Người	2.482	2.668	2.492	100	93
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	9.478	10.391	11.345	120	109
11	Cổ tức	%	5,0	≥ 3,40	7,50	150	221

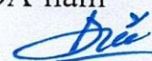
Chi tiết đánh giá mọi hoạt động SXKD đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020); Kế hoạch SXKD năm 2021, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2021 ÷ 2025) đăng tại trang Web của Công ty.

b) Nhiệm vụ tái cơ cấu của Công ty

- Tăng tỷ lệ sở hữu vốn của TKV: Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đến ngày 01/03/2018, Tập đoàn đã mua thành công 4.476.509 cổ phiếu “NBC” để nâng tỷ lệ sở hữu từ 19.572.922 cổ phần (tỷ lệ 52,9%) lên 24.049.431 cổ phần (tỷ lệ 65%).

- Kiện toàn sắp xếp các phòng chuyên môn, phân xưởng sản xuất: Công ty đã tuân thủ thực hiện đúng Quyết định số 2799/QĐ-TKV ngày 31/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, đảm bảo số đơn vị, phòng ban không vượt quá quy định, phù hợp với nhiệm vụ khai thác hết phần than lộ thiên, triển khai xây dựng dự án hầm lò mỏ than Núi Béo, cụ thể: (i) Năm 2018: Công ty đã tổ chức hợp nhất phòng TPK với phòng BQ thành phòng TP-BQ; Sáp nhập Phân xưởng Vận tải số 5 vào Phân xưởng Vận tải số 3; Thành lập CT Khai thác 2, Khai thác 3, CT Đào lò 3, Phân xưởng VTGD; (ii) Năm 2019: Công ty thành lập CT Đào lò 5; (iii) Năm 2020: Công ty đã sáp nhập Phân xưởng Vận tải số 1 vào Phân xưởng Vận tải số 3; Thành lập CT Cơ giới hoá 1, Khai thác 5.

Tổng số phòng ban của Công ty hiện nay là 14 phòng, 01 Ban QLDA hầm lò; 21 đơn vị sản xuất.



- Chuyển nhượng vốn đầu tư: Năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp trong hợp đồng số 339/HĐ-KHTT ngày 02/08/2007, số 364/HĐ-KHTT ngày 20/11/2008 giữa Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin và Công ty Cổ phần Hoa Sơn với số tiền là 4,03 tỷ đồng (*Bốn tỷ không trăm ba mươi triệu đồng chẵn*). Công ty đã bảo toàn được vốn đầu tư ban đầu của chủ sở hữu.

- Các nội dung công việc khác (Hợp nhất Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin...): Công ty đang triển khai thực hiện theo chỉ đạo của TKV.

c) Nhiệm vụ bảo toàn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh

Năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020 hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao, Công ty đã bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh đồng thời chấp hành đầy đủ chính sách thuế và nghĩa vụ của Nhà nước.

d) Về công tác giám sát

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng... thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

* **Tóm lại:** Trong nhiệm kỳ hoạt động 5 năm 2016-2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2021, NHIỆM KỲ NĂM 2021 - 2025:



Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể như sau:

A. Mục tiêu:

Xây dựng Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin trở thành một mô Hình đại - An toàn – Xanh - Sạch - Đẹp của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đảm bảo đầy đủ các điều kiện về phát triển bền vững vì lợi ích của các cổ đông, người lao động trong Công ty.

B. Nhiệm vụ.

1. Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông, TKV giao; Hoàn thành Dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch.

2. Tiếp tục thực hiện đề án TCC đã được TKV và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

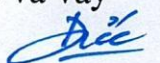
4. Giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác phòng chống dịch bệnh, an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc. Quan tâm hơn nữa tới việc chăm lo cải thiện điều kiện ăn, ở, đi lại...cho người lao động.

5. Tổ chức công tác tuyên truyền, chủ động nắm bắt tư tưởng nguyện vọng của cán bộ đảng viên, CNLĐ trong Công ty đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Không để các đối tượng xấu lợi dụng lời kéo, kích động hoặc tuyên truyền các nội dung không phù hợp làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng đến ANTT chung trên địa bàn. Phát huy ứng dụng của hệ thống mạng xã hội trong việc nắm bắt tư tưởng và đấu tranh phản bác các thông tin xấu, độc, các luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của các đối tượng, thế lực thù địch, phản động kích động, chống phá.

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Để thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin như sau:

1. Tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo và các dự án khác (bao gồm cả thủ tục điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án, ký kết hợp đồng đầu tư và vay



vốn tín dụng có giá trị từ 35% trở lên tổng số giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán);

2. Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua theo định hướng của TKV; Được quyền thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ 2016-2020; phương hướng nhiệm vụ năm 2021, nhiệm kỳ 2021-2025, Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Hương

Số: 3027 /BC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
GIÁM ĐỐC CÔNG TY NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ III NĂM 2016-2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 26/4/2018;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Kiểm soát Công ty xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động và thực hiện công tác giám sát quản lý Công ty của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2020 và nhiệm kỳ III năm 2016-2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020; Ban Kiểm soát Công ty họp thường kỳ mỗi quý một lần và theo yêu cầu công việc; Tại các phiên họp đều đưa ra thảo luận giữa các thành viên về các nội dung kiểm soát hoạt động của Công ty và kiểm soát chuyên đề, các nội dung liên quan đến việc bàn giao và phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban khi thay đổi nhân sự của Ban. Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty hàng quý và năm. Kiểm soát một số gói thầu hoàn thành và đang thực hiện của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo và dự án duy trì sản xuất thuộc nhóm C. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm soát một số lĩnh vực quản lý của Công ty như: công tác quản lý vật tư, quản lý TSCĐ, sửa chữa lớn tài sản, công tác thuê ngoài, quản lý sử dụng lao động, tiền lương...

- Trong quá trình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty hàng năm, Ban Kiểm soát đã có các ý kiến đối với bộ phận thực hiện và điều hành sản xuất kinh doanh, công tác Đầu tư XD CB và các mặt hoạt động khác tại các kỳ họp thường kỳ tại Công ty và đã được HĐQT, Giám đốc Công ty tiếp nhận, bổ sung trong công tác quản lý của Công ty.

II. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Hình thức, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát.

1.1. Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT Công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Quy chế hoạt động của HĐQT; Các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT Công ty ban hành.



1.2. Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác thông qua việc thực hiện hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển, chế biến than giữa Giám đốc Công ty và Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; các Quyết định của Giám đốc trong các lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

1.3. Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

2. Kết quả giám sát:

2.1. Về hoạt động của HĐQT

Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo hoạt động năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020 của HĐQT và nhất trí với các nội dung của báo cáo này, kết hợp với việc giám sát của Ban kiểm soát, có một số đánh giá như sau:

- HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra việc thực hiện; Năm 2020, HĐQT đã ban hành 06 quy chế, đó là Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế Quản lý Đầu tư; Quy chế phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc; Quy chế quản lý nợ; Quy chế phòng ngừa rủi ro; Quy chế Quản lý Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty; Thực hiện kịp thời các quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

- Năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức họp 19 phiên; cả nhiệm kỳ họp 102 phiên, giải quyết nhiều nội dung liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD, xây dựng dự án hầm lò mỏ than Núi Béo. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời;

- Quy hoạch cán bộ; Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ. Thực hiện tốt đề án tái cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị phòng ban theo hướng tinh giảm gọn nhẹ, gắn với việc dần dần dừng sản lượng khai thác than lộ thiên chuyển sang khai thác than hầm lò; Công ty đã kiện toàn lại mô hình tổ chức sản xuất các đơn vị phòng ban cho phù hợp với phương án chuyển đổi mô hình khai thác, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chỉ đạo xử lý các vấn đề tồn đọng tại các dự án hầm lò mỏ than Núi Béo.

- Thông qua hoạt động của HĐQT và việc sửa đổi bổ sung các văn bản quản lý kịp thời đã giúp cho việc quản trị điều hành Công ty trong kỳ được linh hoạt, hiệu quả hơn. Các văn bản quản lý của HĐQT ban hành thuộc thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế SXKD của Công ty.

- HĐQT Công ty đã ban hành quyết định điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư và xây dựng cơ bản phù hợp với thông báo điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản của TKV.

- HĐQT đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất, nhất là công tác chuẩn bị và tổ chức sản xuất,

công tác kiểm soát chi phí sản xuất nên đã tạo sự ổn định đồng bộ trong SXKD, phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Các uỷ viên HĐQT là những người có năng lực quản lý và có tư cách đạo đức tốt; Trong năm 2020 và cả nhiệm kỳ các thành viên đã làm việc khẩn trương, năng động, sáng tạo, có hiệu quả, thể hiện được tinh thần trách nhiệm đối với Công ty và đối với các cổ đông.

2.2. Về hoạt động quản lý điều hành của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn TKV với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng lao động... được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch.

- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng,... được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

***Tóm lại:** Trong năm 2020 và nhiệm kỳ năm 2016 – 2020, HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, điều hành SXKD để Công ty đạt được sự tăng trưởng cao, tạo được sự ổn định cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

Năm 2020 và cả nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã cố gắng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của từng thành viên, Ban kiểm soát còn nhận được sự ủng hộ của HĐQT, Ban Giám đốc, sự phối hợp của các phòng ban trong Công ty và của các cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp đó, mong muốn trong năm 2021 và các năm tiếp theo của nhiệm kỳ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

Nhân dịp tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin chúc sức khỏe các Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



Số: 3028/QC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NHIỆM KỶ IV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/04/2018;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“Đại hội”) của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin (“Công ty”) tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) của Công ty theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

a) Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;

b) Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông của Công ty hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng 25/03/2021.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT, BKS

2.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên (Trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT), số lượng thành viên BKS được bầu là 03 thành viên.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên HĐQT và BKS: Thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.


Điều 3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS

3.1. Trước giờ khai mạc Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và BKS.

3.2. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện như sau:

- Đối với thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết tính đến ngày đăng ký cuối cùng (25/03/2021) được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ (năm) ứng viên.

- Đối với thành viên BKS: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tính đến ngày đăng ký cuối cùng


26

(25/03/2021) được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và nếu từ 50% trở lên được đề cử đủ (ba) ứng viên

3.3. Trường hợp số lượng các ứng viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ năm (05) ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT (Trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT) và ba (03) ứng viên cho vị trí thành viên BKS, thì HĐQT, BKS đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng viên HĐQT, BKS cho đủ số lượng nêu trên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

4.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng thành viên HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS.
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai, gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, trình độ, quá trình công tác, chức danh quản lý, lợi ích liên quan...;
- Bản sao công chứng CMND hoặc CCCD của ứng cử viên;
- Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (nếu có);

4.2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử đề nghị gửi về Văn phòng Công ty số 799 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh trước ngày 25/04/2021 để Công ty xác minh, thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử trực tiếp tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay, đầy đủ hồ sơ đề cử/ứng cử như Mục 4.1 nêu trên cho Chủ tọa Đại hội để được xem xét đưa vào danh sách ứng viên.

4.3. Chỉ những hồ sơ ứng cử/đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử /đề cử, gửi về Công ty đúng thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 5. Phương thức bầu cử

5.1. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT) khi bầu HĐQT, nhân với số thành viên được bầu của BKS (03 thành viên) khi bầu BKS Công ty.

5.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

Điều 6. Phiếu bầu cử, cách ghi phiếu, bỏ phiếu, kiểm phiếu

6.1. Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS:

a) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cấp Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS ngay trước khi việc bầu cử diễn ra. Phiếu bầu cử trên đó có ghi: ⁽¹⁾ Tên cổ đông; ⁽²⁾ mã số cổ đông; ⁽³⁾ số cổ phần và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS;

(4) Tên các ứng viên đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS được Đại hội biểu quyết thông qua.

b) Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu treo của Công ty.

6.2. Cách ghi phiếu và tính hợp lệ, không hợp lệ của phiếu bầu cử:

a) Cách ghi phiếu: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đồng ý bầu cho ứng viên nào, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b) Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Là Phiếu bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu bầu cử không bị rách, tẩy xóa, sửa chữa; phiếu ghi đầy đủ tên các ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua;
- Được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền ký xác nhận;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên không vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

c) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bầu cử bị rách, tẩy xóa, sửa chữa; phiếu ghi thêm tên các ứng cử viên không được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu;
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

6.3. Nguyên tắc bỏ phiếu:

a) Ban kiểm phiếu sẽ lập các hòm phiếu và tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm

phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

6.4. Quy định việc kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc theo quy định như sau:

- Ban kiểm phiếu làm việc trong một (01) phòng riêng hoặc khu vực riêng. Ngoài Ban kiểm phiếu và các thành viên giúp việc đã được Ban kiểm phiếu phân công thì không cho phép bất cứ người nào khác vào trong khu vực kiểm phiếu, kể cả cổ đông Công ty.

- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc cần thiết.

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu.

- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu bầu và ghi kết quả kiểm phiếu.

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu, bàn giao lại cho HĐQT ngay sau khi Đại hội bế mạc.

b) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu công bố tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;

- Thành phần Ban kiểm phiếu;

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp;

- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

- Số Phiếu bầu hợp lệ, Phiếu bầu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS;

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT là năm (05) thành viên, BKS là ba (03) thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau ngay tại Đại hội.

Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ trực


29

tiếp kiểm tra lại. Nếu phát hiện sai sót hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu, Ban tổ chức Đại hội sẽ tổ chức bầu cử lại và Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ IV NĂM (2021-2025)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Tôi tên là:

Ngày sinh:...../...../....., quốc tịch:.....

Số CMND/ Hộ chiếu:....., cấp ngày:.....tại:.....

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại liên hệ:, fax:

Trình độ học vấn:, chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tính đến thời điểm ngày đăng ký cuối cùng (ngày 25/03/2021) là:..... cổ phần, tương ứng với:.....% vốn điều lệ của Công ty.

Sau khi nghiên cứu quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty, Tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin nhiệm kỳ IV.

Tôi xin cam đoan Tôi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn là thành viên HĐQT/BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trân trọng cảm ơn./.

CỔ ĐÔNG
Ký và ghi rõ họ tên)

***Hồ sơ kèm theo:**

- (1). Lịch trích ngang do ứng cử viên tự khai (theo mẫu của Công ty);
- (2). Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ IV NĂM (2021-2025)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD (đối với tổ chức); Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % Vốn điều lệ	Chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện hợp pháp và đóng dấu đối với tổ chức
1						
2						
3						
4						
5						
...						
Tổng cộng :						

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty, Tôi/chúng tôi xin đề cử ông/ bà có tên sau vào danh sách bầu thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV:

STT	Tên ứng viên	Ngày sinh; Quốc tịch	Số CMND/Hộ chiếu; Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Trình độ học vấn	Số cổ phần nắm giữ (nếu có)
I	Hội đồng Quản trị					
1						
2						
3						
4						
5						

STT	Tên ứng viên	Ngày sinh; Quốc tịch	Số CMND/Hộ chiếu; Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Trình độ học vấn	Số cổ phần nắm giữ (nếu có)
II	Ban kiểm soát					
1						
2						
3						

Tôi/chúng tôi cũng cam đoan người được đề cử đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG
Ký và đóng dấu (nếu có)

*** Hồ sơ kèm theo:**

- kèm);
- (1) Lý lịch trích ngang do ứng cử viên được cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử tự khai (mẫu đính kèm);
 - (2) Giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu kèm theo (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
 - (3) Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân của ứng cử viên;



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
Ứng viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ IV (năm 2021-2025)
(Do giới thiệu)

1. Họ và tên :
2. Giới tính :
3. Ngày sinh :
4. Dân tộc :
5. Quốc tịch :
6. Quê quán :
7. Địa chỉ thường trú :
8. Số CMND/CCCD:; Cấp ngày:; Nơi cấp:.....
9. Điện thoại liên lạc :
10. Trình độ văn hoá :
11. Trình độ chuyên môn :
12. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác

13. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: CP (chiếm%), trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: CP (chiếm... %);
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: CP (chiếm... %).
14. Số cổ phần (NBC) của người có liên quan nắm giữ : ... CP.
15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

....., ngày tháng 4 năm 2021

Người khai
Ký ghi rõ họ tên



Hạ Long, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
Giới thiệu nhân sự tham gia
 HĐQT, BKS của Công ty nhiệm kỳ IV năm 201-2025
(Dự thảo)

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018; Danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm đăng ký cuối cùng ngày 25 tháng 03 năm 2021 do Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp; Quy chế bầu HĐQT, BKS của Công ty nhiệm kỳ IV; Nghị quyết số 08/NQ-VNBC ngày 26/04/2021 của HĐQT; Công văn của BKS vào ngày 26/04/2021,

Ban tổ chức Đại hội, HĐQT Công ty đã tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ các ứng viên do các cổ đông, HĐQT, BKS của Công ty đương nhiệm giới thiệu và xin báo cáo với Đại hội nhân sự bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty như sau:

I. Đối với nhân sự HĐQT:

1. Số lượng thành viên HĐQT Đại hội bầu: 5 thành viên; Trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

2. Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ đề cử đến thời điểm này là: 3 thành viên, trong đó:

- Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 65% vốn điều lệ đề cử là 3 thành viên (TKV không đề cử người ứng cử vào vị trí thành viên độc lập HĐQT);

- Các cổ đông khác: 0 (Không).

3. Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do HĐQT Công ty đương nhiệm đề cử theo khoản 3 Điều 25 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty: 2 người, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

STT	Tên ứng viên bầu vào HĐQT	Năm sinh	Trình độ	Ghi chú
I	TKV giới thiệu			
1	Phạm Công Hương	1962	KS khai thác	
2	Ngô Thế Phiệt	1968	KS khai thác	
3	Trương Thúy Mai	1975	Cử nhân kế toán	
II	HĐQT Công ty đương nhiệm giới thiệu			

Điền

STT	Tên ứng viên bầu vào HĐQT	Năm sinh	Trình độ	Ghi chú
1	Trần Quốc Tuấn	1968	Ths. Khai thác mỏ	
2	Đặng Văn Ngong	1963	Trung cấp Khai thác mỏ	Đề cử thành viên độc lập HĐQT

II. Đối với nhân sự BKS:

- Số lượng thành viên BKS Đại hội bầu: 3 thành viên.
- Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ đề cử đến thời điểm này là: 2 thành viên, trong đó:
 - Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 65% vốn điều lệ giới thiệu 2 thành viên;
 - Các cổ đông khác: 0 (Không).
- Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do BKS Công ty đương nhiệm đề cử theo khoản 3 Điều 36 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty: 1 thành viên.

STT	Tên cổ đông/Tên ứng viên bầu vào BKS	Năm sinh	Trình độ	Ghi chú
I	TKV giới thiệu			
1	Vũ Thị Dung	1979	Ths. Kinh tế	
2	Nguyễn Tiến Nhung	1967	Cử nhân kinh tế ngành kế toán	
II	BKS Công ty đương nhiệm giới thiệu			
1	Đỗ Thị Thanh Huyền	1974	Kỹ sư khai thác mỏ	

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến các quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Đức'

Số: **3029**/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả SXKD năm 2020, nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020);
Kế hoạch SXKD năm 2021, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2021 ÷ 2025);**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2018;

Thực hiện nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD năm 2020, nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020); Kế hoạch SXKD năm 2021, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2021 ÷ 2025) như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020, NHIỆM KỲ KHÓA III (NĂM 2016 ÷ 2020)

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch

Nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020) là nhiệm kỳ Công ty gặp rất nhiều khó khăn và thách thức bởi sản lượng than khai thác lộ thiên giảm mạnh và kết thúc khai thác vào năm 2021 dẫn đến dư thừa lao động và thiết bị khai thác lộ thiên; lực lượng cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ và công nhân lao động có chuyên môn về khai thác than hầm lò còn thiếu và yếu; lao động hầm lò chủ yếu người dân tộc ít người, mới ra trường, thiếu kinh nghiệm và kỹ năng làm việc dẫn đến năng suất lao động chưa cao; năm 2020 ngoài chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành than còn chịu ảnh hưởng của lượng than nhập khẩu về quá lớn, tăng trưởng nóng về điện năng lượng mặt trời và điện gió làm cho công tác tiêu thụ than của TKV nói chung, Công ty nói riêng là hết sức khó khăn. Song được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty bám sát mục tiêu kế hoạch, giải pháp điều hành của Tập đoàn; Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch phù hợp tại Công ty, cùng với giải pháp, biện pháp điều hành linh hoạt, quyết liệt; sự phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị và tinh thần lao động tích cực, sáng tạo của tập thể người lao động trong Công ty nên nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020) Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD Tập đoàn giao, đời sống người lao động được đảm bảo, các nguồn lực được phát huy, nội bộ Công ty đoàn kết, môi trường làm việc được quan tâm cải thiện.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	7.000	4.355	4.355	62	100
-	Đất sản xuất	"	7.000	4.355	4.355	62	100
2	Đào lò tổng số	Mét	11.280	10.495	10.354	92	99
-	Đào lò XDCB	"	1.380	1.475	1.486	108	101
-	Lò CBSX	"	9.900	9.020	8.868	90	98
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	2.000	1.400	1.432	72	102
-	Than lộ thiên	"	1.000	620	621	62	100
-	Than hầm lò	"	1.000	780	811	81	104
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	2.045	1.645	1.680	82	102
-	Than sạch từ than NK	"	1.760	1.262	1.288	73	102
-	Than sạch từ SPNT	"	285	383	392	138	102
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	2.045	1.680	1.682	82	100
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	775	628	56	81
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.342	2.213	2.206	94	100
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	27,0	27	46,6	173	172
9	Lao động định mức	Người	3.083	3.017	2.976	97	99
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	13.584	13.429	13.408	99	100
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	≥ 3,0	6	200	200

2. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2016-2020)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	35.810	28.730	29.600	83	103
-	Đất sản xuất	"	23.500	28.730	29.600	126	103
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	12.310	0	0	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	25.884	35.685	40.110	155	112
-	Đào lò XDCB	"	14.684	10.865	11.579	79	107
-	Lò CBSX	"	11.200	24.820	28.531	255	115

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2016-2020)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	4.545	5.450	5.484	121	101
-	Than lộ thiên	"	3.200	3.570	3.528	110	99
-	Than hầm lò	"	1.345	1.880	1.956	145	104
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	4.675	6.912	7.267	155	105
-	Than sạch từ than NK	"	3.475	4.629	4.490	129	97
-	Than sạch từ SPNT	"	1.200	2.283	2.777	231	122
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	5.275	7.301	7.540	143	103
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	4.420	5.069	4.577	104	90
7	Doanh thu	Tỷ đồng	6.514	9.222	9.563	147	104
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	179	139	375	210	270
9	Lao động	Người	2.482	2.668	2.492	100	93
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	9.478	10.391	11.345	120	109
11	Cổ tức	%	5,0	≥ 3,40	7,50	150	221

3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD

Năm 2020, nhiệm kỳ khóa III (năm 2016 ÷ 2020) đa số các chỉ tiêu SXKD của Công ty hoàn thành Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra và được HĐQT Công ty đánh giá như sau:

3.1. Công tác Quản lý an toàn: Công ty đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý an toàn, kiểm tra chỉ đạo các đơn vị và người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn; chấn chỉnh kịp thời những hành vi gây mất an toàn; tổ chức huấn luyện an toàn cho lao động theo quy định. Bởi vậy trong nhiệm kỳ qua công tác an toàn lao động của Công ty luôn được đảm bảo.

3.2. Công tác Quản lý kỹ thuật

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kỹ thuật Tập đoàn giao, đảm bảo an toàn; các đơn vị sản xuất đã làm chủ được công nghệ đào chống lò bằng vi neo, các mũi thi công đào chống lò bằng vi neo đều thực hiện tương đối tốt.

- Trong quá trình khai thác, Công ty đã đảm bảo các thông số kỹ thuật cơ bản theo thiết kế; tầng/khu vực khai thác đủ điều kiện cho các thiết bị làm việc; đường lò và các tuyến vận tải được xén sửa, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, tạo điều kiện để thiết bị tăng được năng suất và hiệu quả kinh doanh.

- Trong nhiệm kỳ từ năm 2016 ÷ 2020, mặc dù thời tiết diễn biến thất thường, mưa bão nhiều, sản xuất khai thác lộ thiên còn gặp rất nhiều khó khăn, song toàn Công ty không bị thiệt hại lớn do mưa bão gây ra và cũng không xảy ra tai nạn nặng, tai nạn chết người hoặc sự cố lớn.

Đức

- Thường xuyên cập nhật tiến độ các đường lò, điều kiện địa chất của đường lò để cung cấp tài liệu kịp thời cho các đơn vị sản xuất, thi công triển khai các phương án sản xuất.

3.3. Công tác Đầu tư XDCB: Mặc dù trong quá trình triển khai thực hiện dự án khai thác than hầm lò Núi Béo còn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 làm một số hạng mục dự án thi công kéo dài dẫn đến dự án bị chậm tiến độ và dự kiến đến cuối năm 2021 mới kết thúc đầu tư, như vậy dự án đầu tư hầm lò mỏ than Núi Béo sẽ bị kéo dài so với quyết định đầu tư đã được phê duyệt và ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân theo các hợp đồng vay vốn đã được ký kết với các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, bằng nhiều giải pháp triển khai thực hiện, đến nay dự án được Tập đoàn đánh giá là cơ bản thành công, góp phần nâng cao sản lượng than khai thác giao nộp cho Tập đoàn.

3.4. Công tác tái cơ cấu: (i) Tập đoàn đã mua 4.476.509 cổ phiếu “NBC” để nâng tỷ lệ sở hữu từ 19.572.922 cổ phần (tỷ lệ 52,9%) lên 24.049.431 cổ phần (tỷ lệ 65%); (ii) Công ty đã tuân thủ thực hiện đúng Quyết định số 2799/QĐ-TKV ngày 31/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, đảm bảo số đơn vị, phòng ban không vượt quá quy định, phù hợp với nhiệm vụ khai thác hết phần than lộ thiên; (iii) Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn đầu tư trong hợp đồng số 339/HĐ-KHTT ngày 02/08/2007, số 364/HĐ-KHTT ngày 20/11/2008 giữa Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin và Công ty Cổ phần Hoa Sơn với số tiền là 4,03 tỷ đồng (*Bốn tỷ không trăm ba mươi triệu đồng chẵn*). Công ty đã bảo toàn được vốn đầu tư ban đầu của chủ sở hữu.

3.5. Công tác tiền lương và thu nhập của lao động: Trong những năm qua, công tác quản lý tiền lương và thu nhập luôn được thực hiện đảm bảo cân đối lợi ích giữa chủ sở hữu Công ty và người lao động, xây dựng được mối quan hệ lao động hài hòa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Việc quản lý và sử dụng quỹ tiền lương luôn đảm bảo công khai, dân chủ, hợp lý, tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty. Đảm bảo tốc độ tăng tiền lương hằng năm, luôn phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động.

3.6. Công tác bảo vệ môi trường: Công ty đã bám sát chủ đề về công tác môi trường của tỉnh Quảng Ninh để tập trung làm tốt công tác môi trường. Tăng cường tổ chức trồng cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan mặt bằng công nghiệp các dự án. Phủ xanh các khu vực bãi thải đã kết thúc khai thác, đến nay công tác trồng cây cải tạo phục hồi môi trường các khu vực bãi thải, tuyến đường vận tải và trồng cây tạo cảnh quan các mặt bằng +35 Trung tâm điều hành sản xuất cơ bản hoàn thành, mang lại môi trường Xanh - Sạch - Đẹp được TKV và các đoàn kiểm tra đến làm việc ghi nhận.

3.7. Công tác quản trị chi phí: Thực hiện quy chế khoán và quản trị chi phí giá thành của Tập đoàn, hàng năm ngay sau khi Tập đoàn ban hành Kế hoạch PHKD và Thông báo các chỉ tiêu Kế hoạch PHKD của Tập đoàn với các đơn vị. Công ty đã cân đối Kế hoạch SXKD theo từng yếu tố chi phí để điều hành, giao khoán quản trị trong nội bộ. Kết quả từ năm 2016 ÷ 2020 Công ty được Tập đoàn ghi nhận tiết kiệm chi phí khoảng 174,5 tỷ đồng.

3.8. Công tác kế toán tài chính:

- Đã thực hiện đảm bảo kịp thời việc theo dõi, báo cáo công tác thống kê hàng ngày, báo cáo TKV hàng tháng, quý, năm kịp thời theo quy định của Tập đoàn và Công ty.

- Đã chủ động được nguồn tiền từ doanh thu bán than, trên cơ sở đó cân đối thu chi tài chính hợp lý, đảm bảo hoạt động thông suốt, có hiệu quả của dòng tiền mà vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán. Quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để thu xếp đủ vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản, thanh toán với nhà nước, cấp trên, bạn hàng và người lao động. Luôn chủ động thanh toán các khoản nợ đến hạn, kiểm soát chi phí lãi vay. Chủ động làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn đàm phán lãi suất vay phù hợp, điều chỉnh lãi suất linh hoạt. Thường xuyên phân tích và kiểm soát các chỉ tiêu hoạt động tài chính, các chỉ số tài chính để hạn chế các rủi ro trong công tác tài chính.

* **Tóm lại:** Với sự cố gắng không ngừng, phát huy nội lực, lao động sáng tạo, nhiệm kỳ qua Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD Đại hội cổ đông giao; tiền lương, đời sống người lao động trong Công ty ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và Tập đoàn.

PHẦN II:

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021, NHIỆM KỶ KHÓA IV (NĂM 2021 ÷ 2025), NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH

Nhiệm kỳ khóa IV (năm 2021 ÷ 2025) là giai đoạn dự báo là Công ty sẽ gặp rất nhiều khó và thách thức bởi sản lượng khai thác than lộ thiên không còn nhiều, trong khi đó mặc dù dự án khai thác than hầm lò đã đi vào hoạt động nhưng những năm đầu nhiệm kỳ (2021 ÷ 2023) vẫn chưa đạt công suất thiết kế; chi phí khấu hao TSCĐ và lãi vay chiếm trong giá thành vẫn tăng cao, dẫn đến giá thành than tiêu thụ những năm này vượt giá TKV bán ra thị trường, bởi vậy Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối tài chính cũng như tiêu thụ than cho Tập đoàn.

I. Mục tiêu, nhiệm vụ

1. Mục tiêu chiến lược: Ổn định, phát triển sản xuất, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động SXKD; tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, tích cực Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa trong khai thác và quản lý sản xuất, chăm lo phát huy tốt nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống người lao động về mọi mặt, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” để thực hiện thắng lợi mục tiêu: “An toàn - Đổi mới - Phát triển”.

2. Một số chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	
			Nhiệm kỳ IV (2021÷ 2025)	Năm 2021
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	1.200	1.200

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	
			Nhiệm kỳ IV (2021÷ 2025)	Năm 2021
-	Đất sản xuất	"	1.200	1.200
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	0	0
2	Đào lò tổng số	Mét	77.300	12.800
-	Đào lò XD CB	"	0	0
-	Lò CBSX	"	77.300	12.800
3	Than nguyên khai sản xuất	10 ³ Tấn	8.470	1.320
-	Than lộ thiên	"	220	220
-	Than hầm lò	"	8.250	1.100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	8.621	1.473
-	Than sạch từ than nguyên khai	"	7.731	1.188
-	Than sạch từ SPNT	"	890	285
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	8.621	1.473
6	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.113	561
7	Doanh thu	Tỷ đồng	12.149	2.288,2
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	142,4	25,4
9	Lao động định mức	Người	3.271	3.119
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	15.258	14.047
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	≥ 3,0

II. Một số giải pháp cơ bản

1. Tổ chức sản xuất, tổ chức lao động hợp lý để thiết bị tham gia sản xuất ngay từ đầu ca, hạn chế thấp nhất những tổn thất trong điều hành; áp dụng tiến bộ kỹ thuật và sáng kiến cải tiến; tổ chức tốt công tác chăm sóc kỹ thuật xe máy, đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, phấn đấu tăng năng suất thiết bị; chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ than ngay từ đầu nhiệm kỳ, phấn đấu cả nhiệm kỳ hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Tiếp tục khoán sản phẩm và chi phí sản xuất; khoán quản trị công nghệ và nguồn chi phí kinh doanh; khoán hạn mức chi phí điện thoại, văn phòng phẩm, trang sắm thiết bị văn phòng, chi phí sử dụng vi tính, dụng cụ đồ nghề... cho các đơn vị, phòng ban; duy trì kiểm tra và thanh quyết toán chi phí với các đơn vị, phòng ban theo quy chế quy định.

3. Tiến hành đánh giá thực tế năng lực xe máy để có giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng. Đối với những thiết bị có năng suất thấp, giá thành cao, hoạt động kém hiệu quả thì kiên quyết thanh lý.



4. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng và giá cả vật tư; duy trì tồn kho với hạn mức $\leq 6\%$ chi phí vật liệu.

5. Hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng áp dụng tiên bộ kỹ thuật, cải tiến tổ chức quản lý để tiết giảm vật tư nhiên liệu; đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

6. Tăng cường quản lý dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính để giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.

7. Quản lý đầu tư chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành; phối hợp, đôn đốc các nhà thầu thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ; làm các thủ tục liên quan đến gia hạn thời gian thực hiện đầu tư của dự án hầm lò mỏ Than Núi Béo do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư khai thác than hầm lò khắc phục ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; huy động mọi nguồn lực của Công ty để triển khai Dự án; Cùng các nhà thầu chuẩn xác kế hoạch thi công với các biện pháp cụ thể, khả thi, đôn đốc quyết liệt các nhà thầu thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 nhiệm kỳ khóa III (2016 ÷ 2020); Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2021 và nhiệm kỳ khóa IV (2021 ÷ 2025) của Công ty.

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- Văn phòng (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, thư ký HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ỦY VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC**



Ngô Thế Phiệt



Số: **3030**/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc: **Chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS
và Ban Giám đốc Công ty**

1. Tiền lương, thưởng thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2020:

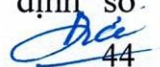
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2020. Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2020 được chi trả như sau:

STT	Chức vụ	Nghị quyết Đại hội				Kết quả thực hiện				So sánh %
		Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		
				Tiền lương	Thù lao			Tiền lương	Thù lao	
1	HĐQT	5,0	285,6	-	285,6	5,0	285,6	-	285,6	100
-	Chủ tịch	1,0	64,8		64,8	1,0	64,8		64,8	100
-	Ủy viên	4,0	220,8		220,8	4,0	220,8		220,8	100
2	BKS	3,0	168,0	-	168,0	3,0	168,0	-	168,0	100
-	Trưởng ban	1,0	57,6		57,6	1,0	57,6		57,6	100
-	Ủy viên	2,0	110,4		110,4	2,0	110,4		110,4	100
3	Ban GD	6,0	2.502	2.502	-	6,0	2.502,0	2.502	-	100
-	Giám đốc	1,0	468,0	468		1,0	468,0	468	-	100
-	Phó Giám đốc	4,0	1.656	1.656		4,0	1.656,0	1.656	-	100
-	Kế toán trưởng	1,0	378,0	378		1,0	378,0	378	-	100
	Cộng	14,0	2.955,6	2.502	453,6	14,0	2.955,6	2.502	453,6	100

2. Đề xuất mức tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, Ban Giám đốc năm 2021:

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ Kế hoạch SXKD của Công ty, HĐQT Công ty đề nghị thực hiện Công văn số 6118/TKV-KH ngày 23/12/2020 và Quyết định số


44

1387/QĐ-TKV ngày 29/07/2019 của TKV để xây dựng mức lương, mức thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2021 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao, phụ cấp	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6	-	285,6	
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	4	220,8		220,8	
2	Ban Kiểm soát	3	168,0		168,0	
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	UV Ban kiểm soát	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502,0	2.502,0		
	Tổng số	14	2.955,6	2.502,0	453,6	

• **Phương thức chi trả:**

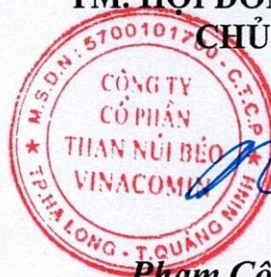
- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Hương

Số: 3031 /BC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 26 tháng 4 năm 2018;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

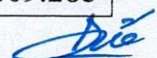
Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2020	01/01/2020
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	3.561.310.752.074	3.602.416.329.074
A1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	880.480.017.947	801.567.008.553
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.883.512.738	3.430.359.689
1	Tiền	111	3.883.512.738	3.430.359.689
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	109.887.739.487	9.577.231.114
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	104.333.296.132	500.756.411
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.639.192.680	4.783.403.399
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		78.342.736
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	3.915.250.675	4.214.728.568
III	Hàng tồn kho	140	733.228.281.359	729.073.928.943
1	Hàng tồn kho	141	733.228.281.359	729.073.928.943
IV	Tài sản ngắn hạn khác	150	33.480.484.363	59.485.488.807
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	32.565.505.706	36.526.800.559
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.958.688.248
3	Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	153	914.978.657	

Đã

TT	Chi tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2020	01/01/2020
A2	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.680.830.734.127	2.800.849.320.521
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	78.346.511.535	75.640.421.047
1	Phải thu dài hạn khác	216	78.346.511.535	75.640.421.047
II	Tài sản cố định	220	1.827.137.756.664	1.470.315.445.788
1	Tài sản cố định hữu hình	221	1.824.800.385.550	1.467.914.506.654
-	<i>Nguyên giá</i>	222	3.769.007.422.382	3.163.741.942.301
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223	(1.944.207.036.832)	(1.695.827.435.647)
2	Tài sản cố định vô hình	227	2.337.371.114	2.400.939.134
-	<i>Nguyên giá</i>	228	3.575.334.150	3.575.334.150
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229	(1.237.963.036)	(1.174.395.016)
III	Tài sản dở dang dài hạn	240	614.561.558.546	1.094.548.954.329
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	614.561.558.546	1.094.548.954.329
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260	160.784.907.382	160.344.499.357
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	160.784.907.382	160.344.499.357
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.561.310.752.074	3.602.416.329.074
B1	NỢ PHẢI TRẢ	300	3.087.242.878.382	3.144.448.369.044
I	Nợ ngắn hạn	310	1.380.675.041.689	1.317.545.759.759
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	349.095.655.182	534.317.290.080
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	667.482.016	67.298.483.857
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	42.617.180.405	75.976.865.418
4	Phải trả người lao động	314	55.635.063.111	76.452.750.569
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	36.819.088	11.440.788
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	22.878.873.600	35.329.355.484
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	869.393.223.785	480.597.009.932
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	40.350.744.502	47.562.563.631
II	Nợ dài hạn	330	1.706.567.836.693	1.826.902.609.285



TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2020	01/01/2020
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.706.298.778.021	1.826.559.642.133
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342	269.058.672	342.967.152
B2	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	474.067.873.692	457.967.960.030
I	Vốn chủ sở hữu	410	474.052.788.514	457.952.874.852
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	369.991.240.000	369.991.240.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	(193.650.000)	(193.650.000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	57.556.360.624	53.996.835.428
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.604.946.853	34.064.558.387
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	93.891.037	93.891.037
II	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	15.085.178	15.085.178
1	Nguồn kinh phí	431	15.085.178	15.085.178

Phần thứ hai:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: Đồng

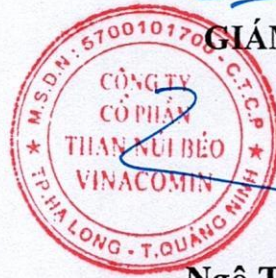
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.193.683.712.722	2.434.694.670.329
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.193.683.712.722	2.434.694.670.329
3	Giá vốn hàng bán	11	1.834.730.828.161	2.051.314.194.864
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	358.952.884.561	383.380.475.465
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.328.706.969	3.476.829.047
6	Chi phí tài chính	22	189.663.011.931	158.775.157.064
7	Chi phí bán hàng	25	15.150.253.194	34.417.673.835
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	111.585.627.841	133.560.310.743
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	44.882.698.564	60.104.162.870
10	Thu nhập khác	31	9.734.823.316	9.354.574.863
11	Chi phí khác	32	8.012.575.027	9.909.377.455

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2020	Năm 2019
12	Lợi nhuận khác	40	1.722.248.289	(554.802.592)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	46.604.946.853	59.549.360.278
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	46.604.946.853	34.064.558.387
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1260	921

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



GIÁM ĐỐC

Ngô Thế Phiệt

Số: **3032** /TTr-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2020 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
I	Lợi nhuận trước thuế	46.605
1	Trích nộp thuế TNDN	
II	Lợi nhuận sau thuế	46.605
1	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	22.199
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1	24.406
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 30%	7.322
2.2	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty (≤ 1 tháng lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2020)	208
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (≤ 1 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2020)	16.876
-	Quỹ khen thưởng (70%)	11.813
-	Quỹ phúc lợi (30%)	5.063

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua. /

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

Số: **3033**/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ KẾT QUẢ SXKD VÀ THÂM ĐỊNH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2018; Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin, Ban Kiểm soát xin được báo cáo trước Quý vị cổ đông đánh giá kết quả SXKD và thâm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2020 như sau:

- Ban Kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Ban Kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán của Công ty Kiểm toán cũng như các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định. Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng luân chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo Tài chính các quý và năm kịp thời, đúng mẫu biểu quy định.

- Mở sổ và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định. Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, đối chiếu công nợ... theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

- Ban Kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán qua một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	7.000	4.355	4.355	62	100
-	Đất sản xuất	"	7.000	4.355	4.355	62	100
2	Đào lò tổng số	Mét	11.280	10.495	10.354	92	99
-	Đào lò XD CB	"	1.380	1.475	1.486	108	101

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
-	Lò CBSX	"	9.900	9.020	8.868	90	98
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	2.000	1.400	1.432	72	102
-	Than lộ thiên	"	1.000	620	621	62	100
-	Than hầm lò	"	1.000	780	811	81	104
4	Than sạch sàng mở	10 ³ Tấn	2.045	1.645	1.680	82	102
-	Than sạch từ TNK	"	1.760	1.262	1.288	73	102
-	Than sạch từ SPNT	"	285	383	392	138	102
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	2.045	1.680	1.682	82	100
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	775	628	56	81
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.342	2.213	2.206	94	100
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	27,0	27	46,6	173	172
9	Lao động định mức	Người	3.083	3.017	2.976	97	99
10	Tiền lương BQuân	10 ³ đ/ng.th	13.584	13.429	13.408	99	100
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	≥ 3,0	6	200	200

2. Về cơ cấu tài chính:

- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 87% (Năm 2019 là 87%);
- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH = 6,43 lần (Năm 2019 là 6,76 lần).

3. Về khả năng thanh toán:

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = 0,64 lần (Năm 2019 là 0,61 lần);
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh = 0,11 lần (Năm 2019 là 0,06 lần);

4. Về hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt: 2,12 %;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt: 1,31%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: 9,83%;

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2020 hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu là vốn vay: Nợ phải trả chiếm 87 % tổng nguồn vốn và gấp 6,43 lần vốn chủ sở hữu; Về cơ cấu vốn Công ty đã dành cho đầu tư dài hạn 75,28% và đầu tư ngắn hạn 24,72 %, khả năng thanh toán hiện thời tăng so với năm 2019, nằm trong giới hạn cho phép. Tài sản đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư (1 đồng tài sản bỏ ra đã thu về 0,0131 đồng lợi nhuận). Tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 9,83% vốn chủ sở hữu.

Đức

5. Đánh giá một số chỉ tiêu và hoạt động khác:

- Trong năm 2020 và những năm tới Công ty còn nhiều khó khăn thách thức: sản lượng khai thác than lộ thiên giảm lớn và kết thúc vào năm 2021; dự án khai thác than hầm lò tuy đã đi vào hoạt động nhưng chưa đạt công suất thiết kế, chi phí khấu hao, lãi vay trong giá thành giai đoạn từ năm 2020 ÷ 2023 tăng cao dẫn đến việc cân đối tài chính các năm gặp nhiều khó khăn.

- Công ty đang trong giai đoạn cuối của quá trình đầu tư đối với dự án Hầm lò mỏ than Núi Béo chuẩn bị bước sang giai đoạn khai thác, nguồn vốn chủ sở hữu vẫn đang được bảo toàn. Lợi nhuận trước thuế tăng 19 583 triệu đồng so với lợi nhuận kế hoạch Đại hội giao. Quỹ đầu tư phát triển tăng 106,59% so với đầu năm và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giữ nguyên so với số đầu năm.

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành: Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện tốt các quy định pháp luật hiện hành trong sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Việc nộp các báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định đảm bảo kịp thời, đúng hạn. Việc công bố thông tin các báo cáo theo quy định đúng thời gian, không bị các cơ quan quản lý nhắc nhở về nộp các báo cáo và việc công bố thông tin chậm hoặc không đầy đủ nội dung.

- Năm 2020, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và theo Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than giữa Công ty và TKV. Thu nhập và việc làm của người lao động ổn định thông qua thu nhập bình quân đạt 100% kế hoạch giao.

- Công tác Đầu tư XDCB dự án khai thác than hầm lò cơ bản hoàn thành, khối lượng mét lò đào XDCB thực hiện 1.486 m đạt 101% kế hoạch.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, môi trường và công tác quản trị chi phí.

- Công ty đã tập trung điều hành việc thực hiện đầu tư dự án Hầm lò mỏ than Núi Béo, đã khai thác sản lượng than hầm lò 811 nghìn tấn/780 nghìn tấn kế hoạch giao. Đảm bảo ổn định sản xuất, công việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động khi thực hiện chuyển đổi công nghệ khai thác than.

- Ban lãnh đạo Công ty đã bám sát các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong công tác sản xuất kinh doanh.

* Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020: Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



Số: 3034 /TTr - VNBC

Hạ Long, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán
Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Núi Béo -
Vinacomin;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 6 tháng đầu năm và cả năm 2021 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Đề xuất danh sách lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

2.1. Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC; Trụ sở chính: Số 01 - Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

2.2. Công ty TNHH PKF - Việt Nam; Trụ sở chính: Số 01- Nguyễn Huy Tưởng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất nêu trên, đảm bảo đúng theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Dung